

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

-----NEDI2-----



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

N E D I 2

Lào Cai, tháng 03 năm 2015

MỤC LỤC

I.	Thông tin chung.....	1
1	Thông tin khái quát	1
2	Quá trình hình thành và phát triển	1
3	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	1
4	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	2
5	Định hướng phát triển.....	7
6	Các rủi ro	7
II.	Tình hình hoạt động trong năm.....	8
1	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	8
2	Tổ chức nhân sự	9
3	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	11
4	Tình hình tài chính	13
5	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.....	14
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	15
1	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	15
2	Tình hình tài chính	17
3	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.....	17
4	Kế hoạch phát triển trong tương lai	18
5	Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có).....	18
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	19
1	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	19
2	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty.....	21
3	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	22
V.	Quản trị công ty	22
1	Hội đồng quản trị	22
2	Ban kiểm soát.....	25
3	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích HĐQT, Ban GD và BKS.....	25
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	26
1	Ý kiến kiểm toán	26
2	Báo cáo tài chính được kiểm toán	26

I. Thông tin chung.

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
- Tên tiếng anh: NORTHERN ELECTRICITY DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY NO2- NEDI 2.,JSC
- Tên viết tắt: NEDI2
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5300 21 55 27 – tỉnh Lào cai cấp ngày: 05/7/2013
- Vốn điều lệ: 500 tỷ VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 415.296.507.633 VNĐ
- Địa chỉ: Số 336 đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai
- Số điện thoại: 0203 501 540
- Số fax: 0203 903 661
- Website: www.nedi2.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): ND2

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Được thành lập ngày 06 tháng 05 năm 2004, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI 2) là công ty thành viên đầu tiên của Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (Vinaconex) hoạt động trong lĩnh vực đầu tư phát triển năng lượng.

Kế thừa nhiều kinh nghiệm quý báu trong lĩnh vực đầu tư của Vinaconex, một tổng công ty đa doanh hàng đầu của ngành xây dựng Việt Nam, trong giai đoạn hiện nay NEDI 2 tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu vào lĩnh vực đầu tư thủy điện và bất động sản.

Với những lĩnh vực đầu tư đầy tiềm năng, chắc chắn mang lại hiệu quả kinh tế cao đó, NEDI 2 đã và đang sáng tạo không ngừng để vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội nhằm tạo ra nền tảng phát triển doanh nghiệp một cách nhanh chóng và bền vững.

Trải qua những năm tháng trưởng thành và phát triển, từng bước tạo dựng uy tín và thương hiệu của mình trên thị trường, luôn coi trọng yếu tố con người, NEDI 2 hiện nay có đội ngũ cán bộ, kỹ sư với kiến thức chuyên môn sâu và giàu kinh nghiệm, được các đối tác trong và ngoài nước tôn trọng, đánh giá cao và tin cậy thiết lập quan hệ hợp tác trong nhiều lĩnh vực.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Đầu tư, xây dựng và vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc; Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện, thủy điện;

Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và các khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;

Đầu tư và kinh doanh bất động sản, nhà ở, văn phòng cho thuê; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;

Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng, vật liệu xây dựng;

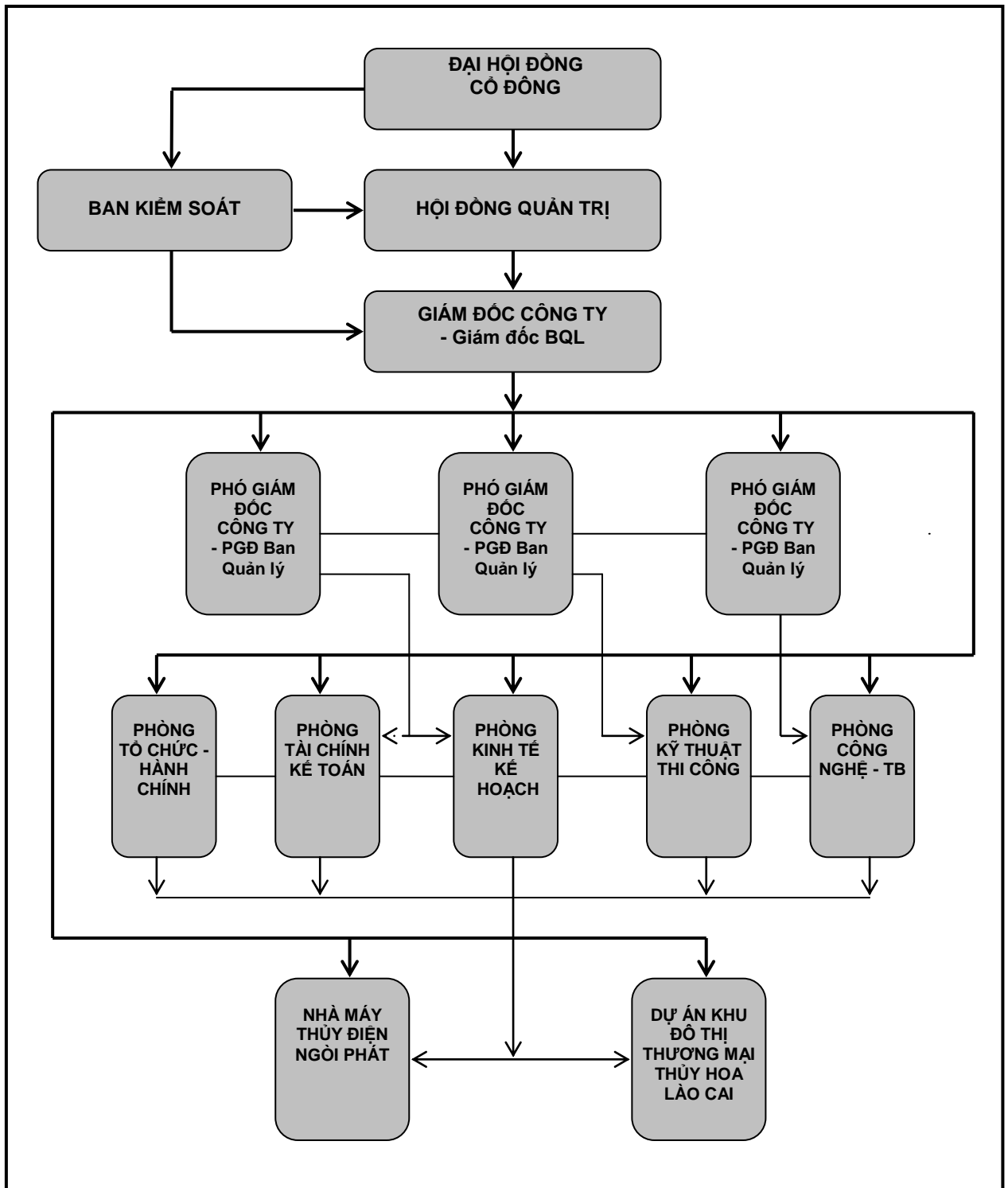
Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

Do yêu cầu tiến độ năm 2014 công ty tập trung đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát và đã hoàn thành phát điện 03 tổ máy đồng thời tổ chức lễ khánh thành nhà máy thành công vào ngày 27/12/2014.

4. Thông tin về mô hình Quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị Công ty:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

a/ Đại hội đồng cổ đông:

- Cơ cấu vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Thành phần sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - VINACONEX	25.500.000	51.0%
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV	5.000.000	10.0%
Công ty cổ phần Xây dựng Công trình ngầm - VINAICO	1.900.000	3,8%
Công ty cổ phần VIMECO	1.140.000	2,3%
Cổ đông khác	16.460.000	32,9%
Tổng số	50.000.000	100.0%

- Cơ cấu vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2014:

STT	Cổ đông	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ %
I	Pháp nhân	32.263.625	92,62%
1	TCT CP VINACONEX	31.700.000	76,33%
2	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Techcombank	3.640.000	8,76%
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.308.325	3,15%
4	Công ty Cổ phần VIMECO	838.700	2,02%
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán SME	700.000	1,69%
6	Công ty cổ phần xây dựng công trình ngầm	276.600	0,67%
II	Thể nhân và pháp nhân khác	3.066.025	7,38%
	Tổng cộng (I+II)	41.529.650	100,00%

b. Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên(1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh đảm nhận
		Nam	Nữ			CM	LLC T	NN	
1	Nguyễn Ngọc Điệp	1959		Ba đình, Hà Nội	1	KSXĐ-Th. sỹ	Cao cấp		Chủ tịch
2	Nguyễn Phúc Hưởng	1975		Kim Môn, Hải Dương	1	Thạc sỹ	Cao cấp		Ủy viên
3	Mạc Thị Thanh Xuân	1981		Thanh Hà, Hải Dương	1	Thạc sỹ	Cao cấp		Ủy viên
4	Nguyễn Thanh Hoàn	1971		Lương Tài, Bắc Ninh	1	Thạc sỹ	Cao cấp		Ủy viên
5	Ứng Hồng Vận	1962		Từ Liêm, Hà Nội	1	KSCK	Tr. Cấp		Ủy viên

c/ Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên(1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh đảm nhận
		Nam	Nữ			CM	LLC T	NN	
1	Đặng Thanh Huấn (Vinaconex)	1964		Bình Giang, Hải Dương	1	ĐHTC TD	Cao cấp		Trưởng ban kiểm soát
2	Nguyễn Xuân Dũng (BIDV)	1980		Tây Hồ, Hà Nội	1	Thạc sỹ	Tr. cấp		Ủy viên
3	Hoàng Trọng Thạch (SME)	1979		Kim Động, Hưng Yên	1	CN luật	Sơ cấp		Ủy viên

d. Ban Giám đốc:

- Giám đốc công ty - Phụ trách chung:

ÔNG: Ứng Hồng Vận

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1962

Số CMTND: 013479110

Công an Hà Nội cấp 06/10/2011

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quê quán: Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Địa chỉ thường trú: Xã cổ nhuế - Từ Liêm – Hà Nội

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:

0976 292 488

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí- Đại học kỹ thuật CN Việt Bắc

Quá trình công tác:

+ 03/1987 – 02/2006 Công tác tại Tổng công ty LILAMA Việt Nam

+ 03/2006 – 07/2006: Phó giám đốc, Ban điều hành hồ chứa nước của đạT TCT cổ phần Vinaconex.

+ 07/2006 – 06/2008: PGĐ Ban quản lý xi măng cẩm phả TCT cổ phần Vinaconex

+ 06/2008 – 01/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Cẩm phả TCT cổ phần Vinaconex

+ 01/2010 – 06/2010: Phó giám đốc công ty đá trắng Vinaconex

+ 07/2010 – 05/2011: Giám đốc công ty đá trắng Vinaconex

+ 05/2011 – 01/2013: Chuyên viên ban đầu tư TCT vinaconex

+ 01/2013 – 04/2013: Phó Tổng giám đốc công ty Viwasupco – Tổng công ty CP vinaconex

+ 05/2013 – nay Giám đốc công ty CP đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2

Chức vụ công tác hiện nay:

Ủy viên hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2

Số cổ phần nắm giữ: 3.005.500

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 5.500 CP

+ Đại diện sở hữu: 3.000.000CP

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

▪ Phó Giám đốc - Phụ trách kinh tế kế hoạch:

Họ và tên: **Nguyễn Hải Đăng**
Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 07 tháng 05 năm 1973
Nơi sinh: Viện Quân y 103, phường Phúc La, thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Nhà 18/C5, Khu tập thể Học viện quân y , thành phố Hà Đông , tỉnh Hà Tây
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Email: dang_nedi2@yahoo.com
Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ địa vị công tác
1996 - 2001	Nhân viên phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Sông Đà 6
2001 - 2002	Phó Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM Công ty Sông Đà 6
2002 - 2003	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM Công ty Sông Đà 6
2003 - 2004	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban Quản lý đầu tư và xây dựng các nhà máy thủy điện (Tổng công ty x uất nhập khẩu xây dựng Việt Nam - VINACONEX)
7/2004 - 7/2007	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2
7/2007 - nay	Phó giám đốc Công ty, Chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần đầu Nedi2

▪ Phó Giám đốc - Phụ trách Kỹ thuật:

Họ và tên: **Trần Vĩnh Hào**
Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 23/01/1976
Nơi sinh: Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Tự động hóa các xí nghiệp công nghiệp
 Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ địa vị công tác
06/1997 – 04/2002	Kỹ sư xưởng sản xuất công ty TNHH VIT-METAL km 9 đường Bắc Thăng long Nội Bài xã Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc
05/2002 – 04/2005	Kỹ sư giám sát liên danh VIKOWA (VINACONEX&KOLON) thầu dự án cấp nước 1 A
05/2005 – 06/2008	Kỹ sư giám sát, chuyên viên Ban quản lý đầu tư XD hệ thống cấp nước Sông Đà Hà Nội – Tổng công ty VINACONEX
06/2008 – 03/2009	Phó trưởng ban CBSX nhà máy nước VINACONEX
03/2009 – 02/2011	Phó tổng giám đốc công ty nước sạch VINACONEX (VIWASUPCO)
03/2011 – 04/2014	Chuyên viên ban điều hành thi công dự án khu đô thị Bắc an khánh – Tổng công ty VINACONEX
05/2014 – 09/2014	Chuyên viên BXD Tổng công ty biệt phái công tác tại công ty CP đầu tư và phát triển điện MB 2 đảm nhận Tổ trưởng tổ kiểm soát hệ thống thiết bị đồng bộ NM thủy điện Ngòi Phát
10/2014 - nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2

- Các công ty con: không có

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2015:
 - + Vận hành ổn định – an toàn – hiệu quả và tin cậy nhà máy thủy điện Ngòi Phát; đảm bảo vượt sản lượng kinh doanh điện so với kế hoạch đề ra;
 - + Hoàn thành công tác quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát năm 2015;
 - + Phê duyệt xong điều chỉnh quy hoạch dự án Thủy Hoa và triển khai đầu tư phân kỳ giai đoạn 1;
 - + Phê duyệt và thu xếp vốn xong đối với dự án thủy điện Ngòi phát mở rộng;
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - + Đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng
 - + Phối hợp với Tổng công ty và tỉnh Lào Cai về thủ tục đầu tư dự án thủy điện mới tại Lào Cai;

6. Các rủi ro: Do thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh không lường trước được (bất khả kháng xảy ra) Nhiệm vụ chính của Công ty trong năm 2014 này là Đầu tư hoàn thành dự án thủy điện Ngòi Phát 72 MW trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt

động sản xuất kinh doanh của Công ty là việc huy động vốn vay Ngân hàng đáp ứng được nguồn vốn giải ngân cho các nhà thầu thi công đáp ứng được tiến độ thi công của dự án.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua: Các tổ máy số 1, số 2 và số 3 sẽ hoàn thành việc đưa vào vận hành sản xuất thử trước ngày 15/6/2014. Tuy nhiên, tiến độ xây dựng và lắp đặt thiết bị chậm do gặp thời tiết mưa lũ bất khả kháng, công tác GPMB quá phức tạp, thiết bị lưu kho gần 03 năm nên mất thời gian bảo dưỡng, sửa chữa và đặt hàng thay thế dẫn đến việc không hoàn thành và phát điện thương mại 03 tổ máy theo đúng kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Căn cứ tiến độ hoàn thành thực tế của 03 tổ máy, Ban điều hành Công ty đã có báo cáo Hội đồng quản trị Công ty xin điều chỉnh thời điểm hoạt động SXKD của nhà máy bắt đầu từ ngày 1/9/2014 (theo kế hoạch được duyệt đầu năm) sang bắt đầu từ ngày 1/1/2015 (năm 2014, chưa thực hiện hoạt động SXKD), đồng thời thực hiện kế hoạch sản xuất thử của nhà máy bắt đầu từ thời điểm tổ máy số 1 hoàn thành việc chạy thử thách 72 giờ (4/9/2014) đến khi nhà thầu AH hoàn thành nghiệm thu và chính thức bàn giao cả 03 tổ máy cho Chủ đầu tư (31/12/2014). Cụ thể:

- Tổ máy 1: Sản xuất thử từ ngày 4/9/2014 đến 31/12/2014
- Tổ máy 2: Sản xuất thử Từ ngày 18/9/2014 đến 31/12/2014
- Tổ máy 3: Sản xuất thử Từ ngày 5/12/2014 đến 31/12/2014

Dự toán chi phí hoạt động sản xuất thử (từ tháng 9-12/14): 8.094.567.124 đồng

- Sản lượng điện sản xuất thử:

Stt	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch sản xuất thử	Kết quả sản xuất thử	Tỷ lệ%
1	Tháng 9	kWh	16.733.111	16.667.500	99,61%
2	Tháng 10	kWh	18.397.397	24.080.400	130,89%
3	Tháng 11	kWh	23.481.216	31.024.300	132,12%
4	Tháng 12	kWh	15.813.201	18.731.300	118,45%
	Cộng	kWh	74.424.926	90.503.500	121,60%

- Báo cáo sơ bộ kết quả sản xuất thử của nhà máy năm 2014 như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị	Kết quả sản xuất thử
1	Doanh thu	đồng	81.964.494.775
	Sig điện thương phẩm	kWh	90.503.500
	Giá bán điện (trước VAT)	đồng	905,65

2	Chi phí sản xuất thử	đồng	8.094.567.124
3	Cân đối doanh thu - chi phí sản xuất thử	đồng	73.869.927.651

Kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất thử nhà máy sẽ được quyết toán và hạch toán vào chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Khoản chênh lệch giữa doanh thu sản xuất và chi phí sản xuất thử nêu trên sẽ dùng để bù đắp các khoản chi phí phát sinh trong quá trình đầu tư dự án.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành Công ty:

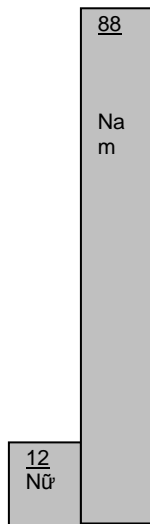
T T	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên(1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh	Số hữu CP tại công ty
		Nam	Nữ			CM	LLC T	NN		
1	Ưng Hồng Vận	1962		Duy Tiên, Hà Nam	1	KSCK	Sơ cấp		Giám đốc C.ty	5.500
2	Nguyễn Hải Đăng	1973		Hà Đông, Hà Nội	1	CNKT	C. cấp		PGĐ	23.100
3	Trần Vĩnh Hào	1976		Vân Canh, Hoài Đức	1	KS tự động	Sơ cấp		PGĐ	
4	Đình Tuấn Anh	1977		Yên Khánh, Ninh Bình	0	CNKT	Sơ cấp		KTT	

- Những thay đổi trong ban điều hành 2014:
- + Ông Trần Văn Nhu: PGĐ công ty thôi giữ chức vụ PGĐ công ty kể từ 01/10/2014
- + Ông Trần Vĩnh Hào: PGĐ công ty được bổ nhiệm chức vụ PGĐ công ty kể từ 01/10/2014
- Số lượng CBNV trong công ty và cơ cấu lao động:

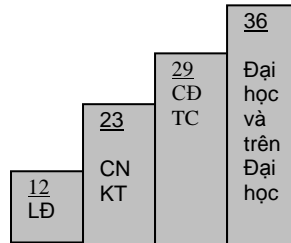
Giới	số lao động tại thời điểm 28/2/2015	Loại hợp đồng lao động	Số LĐ
Nam	88	Không thời hạn	31
Nữ	12	Có thời hạn	62
Tổng	100	Theo mùa vụ	07

Trình độ lao động	Số lao động tại thời điểm 28/2/2015
Đại học và trên đại học	36
Cao đẳng, trung cấp	29
CNKT	23
Lao động phổ thông	12

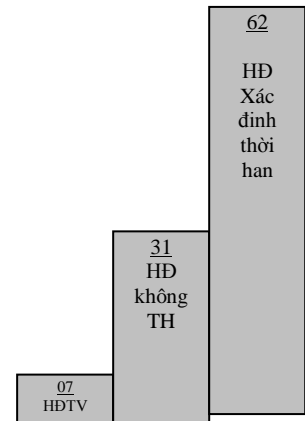
(vẽ biểu đồ cơ cấu lao động theo giới, theo trình độ và theo loại hợp đồng lao động)



Biểu đồ LĐ theo giới



Biểu đồ LĐ theo trình độ



Biểu đồ loại HĐLĐ

– Nhận xét về cơ cấu lao động theo từng phân loại:

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền bắc 2 là doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp, là đơn vị Chủ đầu tư có nhiệm vụ quản lý vận hành nhà máy thủy điện Ngòi Phát đảm bảo an toàn, ổn định, hiệu quả và tin cậy; đảm bảo vượt sản lượng kinh doanh điện theo kế hoạch giao; thực hiện công tác quyết toán sau đầu tư dự án thủy điện Ngòi phát và đầu tư dự án khu đô thị Thủy hoa tại thành phố Lào Cai vì vậy cơ cấu lao động của công ty trong giai đoạn triển khai thực hiện dự án trên là hợp lý.

– Nêu nguyên nhân (đặc điểm của ngành) dẫn tới cơ cấu trên:

Nhiệm vụ chính của công ty là lo đầy đủ thủ tục pháp lý, thu xếp vốn và hợp đồng với các nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công để triển khai thực hiện dự án vì vậy cơ cấu lao động trên là hợp lý.

– Cơ cấu trên có ảnh hưởng gì tới chính sách với người lao động:

Cơ cấu gọn và tinh của bộ máy quản lý điều hành tạo điều kiện cho CBNV phát huy được vai trò cá nhân trong công việc được giao, mặt khác Lãnh đạo công ty sẽ có điều kiện quan tâm chu đáo các chế độ chính sách đối với người lao động, tạo điều kiện người lao động yên tâm công tác và cống hiến phục vụ lâu dài cho công ty.

- Chính sách đối với người lao động

❖ Chính sách lương, thưởng

- Giới thiệu về hệ thống thang bảng lương của Công ty :

Công ty thành lập theo Luật doanh nghiệp và mọi chế độ chính sách của người lao động trong công ty được áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ luật lao động. Hệ thống thang bảng lương, chính sách tiền lương áp dụng theo quy định của chính phủ đối với công ty nhà nước ban hành 10/2004.

+ Phụ cấp của ủy viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách: Áp dụng thông tư số 03/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05/1/2005 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc trong các công ty nhà nước theo nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/năm 2004.

+ Bảng lương của tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng (Ban hành theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ).

+ Bảng phụ cấp giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó phòng công ty (Ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ)

+ Bảng lương nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ ở các công ty nhà nước (Ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ)

+ Việc thực hiện chế độ đối với người lao động (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...):

Công ty thực hiện 100% CBNV làm việc tại công ty đều tham gia trích nộp BHXH, BHYT và lập sổ BHXH, cấp thẻ BHYT cho CBNV theo quy định của Luật BHXH, BHYT.

+ Và các chính sách khuyến khích vật chất: Ngoài chế độ tiền lương hàng tháng công ty chi thêm tiền thưởng nhân dịp ngày lễ tết, tiền ăn trưa cho CBNV, trang bị quần áo đồng phục và tổ chức thăm quan, nghỉ mát, tặng quà sinh nhật cho CBNV công ty.

❖ *Chính sách đào tạo*

– Công tác đào tạo thường xuyên và đạo tạo bổ sung: Hàng năm công ty lập kế hoạch đào tạo các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBNV công ty theo các lĩnh vực: Tư vấn giám sát công trình, Quản lý đấu thầu, công tác dự toán.....vv. Kinh phí đào tạo, tiền lương đi học công ty chi trả 100%.

– Các chính sách khuyến khích người lao động tự đào tạo: Các đối tượng CBNV có nguyện vọng tự học nâng cao nghiệp vụ, trình độ chuyên môn được công ty cân đối bố trí, công ty sẽ hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo/khóa học.

❖ *Chính sách trợ cấp (Nêu các chính sách trợ cấp của công ty cho người lao động): Lãnh đạo công ty phối hợp với BCH công đoàn công ty có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng CBNV: Có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn, gặp thiên tai, tai nạn rủi do*

❖ *Mức lương bình quân*

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2014 là : 8,7 triệu đồng/người/tháng.

3/ Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Công tác đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát

a. Công tác hiện trường:

- Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình xây dựng đưa vào sử dụng;
- Đã hoàn thành việc lắp đặt và hòa lưới điện quốc gia cả 03 tổ máy. Hiện nay, Nhà thầu đang thực hiện chuyển giao công nghệ cho Chủ đầu tư, dự kiến hoàn thành trong tháng 4/2015.

b. Kết quả sản xuất kinh doanh 2014:

c. Kết quả đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát năm 2014.

- Giá trị đầu tư:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	Tỉ lệ % TH/KH	Lũy kế hết năm 2014
	Sản lượng đầu tư	452,76	497,01	110%	2.062,80
1	Xây dựng	244,92	243,77	100%	1.041,84
2	Thiết bị	37,01	51,45	139%	404,55
3	Chi phí khác	58,09	58,09	100%	165,01
4	Dự phòng phí	33,19	29,6	89%	29,6
5	Lãi vay trong TGXD	79,55	114,1	143%	421,8

- Vốn giải ngân cho dự án:

Stt	Nguồn vốn	Cơ cấu nguồn vốn	Lũy kế hết năm 2014
I	Vốn vay tín dụng, thương mại	1.566,75	1.429,18
1	Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam	1.129,00	1.066,69
2	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	437,75	362,49
II	Vốn tự có	415,29	396,87
	Cộng (I+II)	1.982,04	1.826,05

- Các công ty con. Không có

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	2014	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	1.502.760.960.621	2.034.448.938.131	35,38%
Doanh thu thuần	434.553.759	172.587.387	(60,28)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	339.882.126	161.168.170	(52,58)
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế	347.882.126	190.449.772	(45,25)
Lợi nhuận sau thuế	261.093.412	148.550.823	(43,10)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2013	2014	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
<input type="checkbox"/> Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,80	0,48	Đang trong giai đoạn đầu tư dự án
TSLĐ/Nợ ngắn hạn			

<input type="checkbox"/> Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,80	0,48	Không có hàng tồn kho
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> <input type="checkbox"/> Hệ số Nợ/Tổng tài sản <input type="checkbox"/> Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	75,10 3,02	78,55 3,66	Đang trong giai đoạn đầu tư dự án
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> <input type="checkbox"/> Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân <input type="checkbox"/> Doanh thu thuần/Tổng tài sản			Đang trong giai đoạn đầu tư dự án Không có hàng tồn kho
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> <input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần <input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu <input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản <input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	60,08 0,07 0,02 78,21	86,07 0,03 0,01 93,38	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.

a. Cổ phần

Tổng số cổ phiếu của Công ty : 41.529.650 cổ phiếu

- Số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành : 41.529.650 cổ phiếu

Trong đó:

+ Đã lưu ký	: 3.840.600 cổ phiếu
+ Chưa lưu ký	: 15.549.050 cổ phiếu
- Số cổ phiếu chưa niêm yết	: 22.140.000 cổ phiếu
+ Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	: 6.200.000 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ %
I	Pháp nhân		
1	TCT CP VINACONEX	31.700.000	76,33%
2	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Techcombank	3.640.000	8,76%
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.308.325	3,15%
4	Công ty Cổ phần VIMECO	838.700	2,02%
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán SME	700.000	1,69%
6	Công ty cổ phần xây dựng công trình ngầm	276.600	0,67%
	Cộng (I)	32.263.625	92,62%
II	Thẻ nhân và pháp nhân khác	3.066.025	7,38%
	Tổng cộng (I+II)	41.529.650	100,00%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Trong năm 2014 có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu của cổ đông từ đợt chào bán cổ phần riêng lẻ tăng 6.200.000 cổ phần của cổ đông Tổng công ty Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam Vinaconex

Số lượng cổ phần sở hữu trước đợt chào bán:	25.500.000 CP
Số lượng cổ phần tăng trong đợt chào bán:	6.200.000 CP
Số lượng cổ phần sở hữu sau đợt chào bán:	31.700.000 CP

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

e. Các chứng khoán khác

Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Ban Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 để trình báo cáo này cùng báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Hội đồng quản trị: 05 người

- Ông Nguyễn Ngọc Điệp Chủ tịch HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex)
- Ông Nguyễn Phúc Hưởng Thành viên HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex)
- Ông Ứng Hồng Vận Thành viên HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex)
- Bà Mạc Thị Thanh Xuân Thành viên HĐQT (đại diện phần vốn của BIDV)
- Ông Nguyễn Thanh Hoàn Thành viên HĐQT.

Ban kiểm soát: 03 người

- Ông Đặng Thanh Huấn Trưởng Ban kiểm soát (đại diện của Vinaconex)
- Ông Nguyễn Xuân Dũng Thành viên Ban kiểm soát (đại diện của BIDV)
- Ông Hoàng Trọng Thạch Thành viên Ban kiểm soát (đại diện của SME)

Bộ máy điều hành: 03 người

- Ông Ứng Hồng Vận Giám đốc Công ty
- Ông Nguyễn Hải Đăng Phó giám đốc Công ty
- Ông Trần Vĩnh Hòa Phó giám đốc Công ty

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp và được tuân thủ hay không có những áo dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện hành vi gian lận và sai phạm khác

Ban giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc báo cáo tài chính

2. Tình hình tài chính.

a. Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Chỉ tiêu cơ cấu tài sản: Theo số liệu trình bày Tổng tài sản năm 2014 là: 2.034,45 tỷ đồng so với Tổng tài sản năm 2013 là 1.502,76 tỷ đồng đã tăng 531,69 tỷ đồng tương ứng tăng 35,38% so với năm 2013 nguyên nhân tăng mạnh do doanh nghiệp đang trong giai đoạn đầu tư dự án giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang năm 2013 là 1.350,24 tỷ đến cuối năm 2014 là: 1.867,48 tỷ tăng 517,24 tỷ đồng so với năm 2013 tương ứng tăng 38,31% .

b. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Chỉ tiêu cơ cấu vốn : chỉ tiêu Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn năm 2014 là 78,55% và nợ phải trả/Tổng nguồn vốn năm 2013 là 75,10%, nợ phải trả/Tổng nguồn vốn năm 2014 đã tăng 41,6% so với năm 2013 nguyên nhân tăng do doanh nghiệp đã hoàn thành dự án thủy điện Ngòi Phát và chính thức đưa vào sản xuất kinh doanh từ tháng 01/2015 tỷ lệ tăng chủ yếu là nợ dài hạn đến hạn trả của khoản vay đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát và khoản chi phí phải trả trong quá trình đầu tư dự án.

Biến động lớn về các khoản nợ: Trong năm 2014 doanh nghiệp đang trong giai đoạn đầu tư dự án do vậy biến động lớn về các khoản nợ trong năm là khoản nợ vay để đầu tư dự án. Các khoản vay và nợ dài hạn năm 2014 tăng 327,39 tỷ so với khoản vay và nợ dài hạn năm 2013 do khoản khoản vay dài hạn trong giai đoạn đang đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay (Trong năm 2014 doanh nghiệp đang trong giai đoạn đầu tư dự án nên không có khoản nợ xấu).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.

Ban lãnh đạo luôn luôn hoàn thiện về cơ cấu tổ chức và đưa ra những chính sách hợp lý đáp ứng cho từng thời kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

MỤC TIÊU CHÍNH TỪ NAY TỚI NĂM 2019

Định hướng 05 năm (2014-2019) tập trung vào các mục tiêu chính như sau:

- ✓ Đầu tư thành công dự án thủy điện Ngòi Phát công suất 72 MW tại tỉnh Lào Cai, đưa vào vận hành, hòa vào lưới điện quốc gia và phát điện thương mại tạo doanh thu ổn định để trả nợ Ngân hàng và cổ tức cho cổ đông;
- ✓ Tìm kiếm cơ hội để tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng ít nhất một dự án thủy điện độc lập quy mô nhỏ dưới 30 MW tại tỉnh Lào Cai và /hoặc vùng Tây Bắc ;
- ✓ Tìm kiếm và tham gia vào các dự án kinh doanh khai thác khoáng sản và khai thác VLXD tại Lào Cai là những thế mạnh của tỉnh Lào Cai và phù hợp với định hướng phát triển KT-XH tỉnh Lào Cai được phê duyệt;

- ✓ Điều chỉnh lại quy hoạch , đầu tư và phát triển dự án đô thị thương mại Thủy Hoa tại thành phố Lào Cai thành một mô hình đầu tư và kinh doanh bất động sản có hiệu quả trong khu kinh tế cửa khẩu giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc.
- ✓ Tiến tới hình thành một lực lượng thi công mạnh dựa trên nền tảng khoa học công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng tính chủ động trong hoạt động đầu tư . Đẩy mạnh công tác khoa học và công nghệ, coi đó là một trong các giải pháp quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp;

4/ Kế hoạch phát triển trong tương lai

Định hướng 05 năm (2014-2019) tập trung vào các mục tiêu chính như sau:

- ✓ Đầu tư thành công dự án thủy điện Ngòi Phát công suất 72 MW tại tỉnh Lào Cai, đưa vào vận hành , hòa vào lưới điện quốc gia và phát điện thương mại tạo doanh thu ổn định để trả nợ Ngân hàng và cổ tức cho cổ đông;
- ✓ Tìm kiếm cơ hội để tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng ít nhất một dự án thủy điện độc lập quy mô nhỏ dưới 30 MW tại tỉnh Lào Cai và /hoặc vùng Tây Bắc ;
- ✓ Tìm kiếm và tham gia vào các dự án kinh doanh khai thác khoáng sản và khai thác VLXD tại Lào Cai là những thế mạnh của tỉnh Lào Cai và phù hợp với định hướng phát triển KT-XH tỉnh Lào Cai được phê duyệt;
- ✓ Điều chỉnh lại quy hoạch , đầu tư và phát triển dự án đô thị thương mại Thủy Hoa tại thành phố Lào Cai thành một mô hình đầu tư và kinh doanh bất động sản có hiệu quả trong khu kinh tế cửa khẩu giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc.
- ✓ Tiến tới hình thành một lực lượng thi công mạnh dựa trên nền tảng khoa học công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng tính chủ động trong hoạt động đầu tư . Đẩy mạnh công tác khoa học và công nghệ, coi đó là một trong các giải pháp quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp;

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2014 được đính kèm theo Báo cáo thường niên mục IV. Báo cáo tài chính, trong đó nêu rõ ý kiến kiểm toán. Sau đây là giải trình của Ban giám đốc công ty:

Công ty NEDI 2 xin giải trình các vấn đề cần nhấn mạnh trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014 liên quan đến 2 vấn đề: các khoản chi phí cho công trình thủy điện Chu Linh - Cốc San, Sử Pán, Tà Thàng; và kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong kỳ hoạt động vào giá trị công trình đầu tư như sau:

5.1 Các khoản chi phí cho công trình Thủy điện Chu Linh - Cốc San, Sử Pán và Tà Thàng

Các công trình Thủy điện Chu Linh – Cốc San, Sử Pán và Tà Thàng đã được Tổng công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty NEDI 2 với số tiền tương ứng là 6.187.676.701 VND (Công ty đang theo dõi trên tài khoản 241 “ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” – Thuyết minh số 11) và 2.938.961.039 VND (Công ty đang theo dõi trên tài khoản 242 “ Chi phí trả trước dài hạn” – Thuyết minh số 12).

Hiện tại các dự án này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho các chủ đầu tư khác. Công ty đã phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ đầu tư

để chuyển giao các dự án trên nhằm thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây và chuyển giao cho Công ty.

Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

5.2 Về kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong kỳ hoạt động vào giá trị các công trình đầu tư.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đánh giá rằng, tất cả các khoản chi phí quản lý phát sinh trong kỳ hoàn toàn phục vụ cho dự án thủy điện Ngòi Phát. Theo đó, Công ty đã kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong năm từ 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014 với số tiền 22.398.340.241 VND vào giá trị công trình nêu trên và phản ánh trên khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” tại bảng cân đối kế toán. Chi phí quản lý dự án được vốn hóa sẽ được điều chỉnh (nếu có) khi có phê duyệt quyết toán công trình.

Công ty kiểm toán đã xác nhận ngoài các lưu ý trên Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty, « Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên qua đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính ».

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản trị

Sau khi được ĐHĐCĐ bầu; HĐQT mới nhiệm kỳ (2014 – 2019); thành viên của HĐQT như sau:

1.1.1 Hội đồng quản trị: 05 người

- Ông Nguyễn Ngọc Điệp Chủ tịch HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex)
- Ông Nguyễn Phúc Hưởng Thành viên HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex)
- Ông Ứng Hồng Vận Thành viên HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex)
- Bà Mạc Thị Thanh Xuân Thành viên HĐQT (đại diện phần vốn của BIDV)
- Ông Nguyễn Thanh Hoàn Thành viên HĐQT.

1.1.2 Ban kiểm soát: 03 người

- Ông Đặng Thanh Huấn Trưởng Ban kiểm soát (đại diện của Vinaconex)
- Ông Nguyễn Xuân Dũng Thành viên Ban kiểm soát (đại diện của BIDV)
- Ông Hoàng Trọng Thạch Thành viên Ban kiểm soát (đại diện của SME)

1.1.3 Bộ máy điều hành: 03 người

- Ông Ứng Hồng Vận Giám đốc Công ty
- Ông Nguyễn Hải Đăng Phó giám đốc Công ty
- Ông Trần Vĩnh Hà Phó giám đốc Công ty

1.1.4 Định biên lao động 2015: 118 người

- Bộ máy Công ty: 50 người
- + Ban Giám đốc: 03 người (01 GD, 02 PGĐ).

- + 05 Phòng, Ban: 47 người (Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kỹ thuật - thi công, Phòng Kinh tế - kế hoạch, Phòng Kế toán - tài chính và Phòng Công nghệ thiết bị).
- Nhà máy: 68 người
 - + Ban Giám đốc Nhà máy : 03 người (01 GD, 02 PGĐ)
 - + CBCV nhà máy: 65 người.

Kế hoạch năm 2014 và kết quả đạt được

1.2.1 Kết quả đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát năm 2014.

a) Giá trị đầu tư:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	Tỉ lệ % TH/KH	Lũy kế hết năm 2014
	Sản lượng đầu tư	452,76	497,01	110%	2.062,80
1	Xây dựng	244,92	243,77	100%	1.041,84
2	Thiết bị	37,01	51,45	139%	404,55
3	Chi phí khác	58,09	58,09	100%	165,01
4	Dự phòng phí	33,19	29,6	89%	29,6
5	Lãi vay trong TGXD	79,55	114,1	143%	421,8

b) Vốn giải ngân cho dự án:

Stt	Nguồn vốn	Cơ cấu nguồn vốn	Lũy kế hết năm 2014
I	Vốn vay tín dụng, thương mại	1.566,75	1.429,18
1	Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam	1.129,00	1.066,69
2	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	437,75	362,49
II	Vốn tự có	415,29	396,87
	Cộng (I+II)	1.982,04	1.826,05

1.2.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014.

Nhà máy thủy điện Ngòi Phát đã hoàn thành và phát điện cả 03 tổ máy trong năm 2014 cụ thể như sau:

- Ngày 25/8/2014 Tổ máy 01 hòa lưới điện Quốc gia.
- Ngày 12/9/2014 Tổ máy 02 hòa lưới điện Quốc gia
- Ngày 28/11/2014 Tổ máy 03 hòa lưới điện Quốc Gia

Căn cứ tiến độ hoàn thành thực tế của 03 tổ máy, Ban điều hành Công ty đã có báo cáo Hội đồng quản trị Công ty xin điều chỉnh thời điểm hoạt động SXKD của nhà máy bắt đầu từ ngày 1/9/2014 (theo kế hoạch được duyệt đầu năm) sang bắt đầu từ ngày 1/1/2015 (năm 2014, chưa thực hiện hoạt động SXKD), đồng thời thực hiện kế hoạch sản xuất thử của nhà máy bắt đầu từ thời điểm tổ máy số 1 hoàn thành việc chạy thử thách 72 giờ (4/9/2014) đến khi nhà thầu AH hoàn thành nghiệm thu và chính thức bàn giao cả 03 tổ máy cho Chủ đầu tư (31/12/2014). Cụ thể:

- Tổ máy 1: Sản xuất thử từ ngày 4/9/2014 đến 31/12/2014
- Tổ máy 2: Sản xuất thử Từ ngày 18/9/2014 đến 31/12/2014
- Tổ máy 3: Sản xuất thử Từ ngày 5/12/2014 đến 31/12/2014

Dự toán chi phí hoạt động sản xuất thử (từ tháng 9-12/14): 8.094.567.124 đồng

Sản lượng điện sản xuất thử:

Stt	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch sản xuất thử	Kết quả sản xuất thử	Tỷ lệ%
1	Tháng 9	kWh	16.733.111	16.667.500	99,61%
2	Tháng 10	kWh	18.397.397	24.080.400	130,89%
3	Tháng 11	kWh	23.481.216	31.024.300	132,12%
4	Tháng 12	kWh	15.813.201	18.731.300	118,45%
	Cộng	kWh	74.424.926	90.503.500	121,60%

Báo cáo sơ bộ kết quả sản xuất thử của nhà máy năm 2014 như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị	Kết quả sản xuất thử
1	Doanh thu	đồng	81.964.494.775
	Slg điện thương phẩm	kWh	90.503.500
	Giá bán điện (trước VAT)	đồng	905,65
2	Chi phí sản xuất thử	đồng	8.094.567.124
3	Cân đối doanh thu - chi phí sản xuất thử	đồng	73.869.927.651

Kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất thử nhà máy sẽ được quyết toán và hạch toán vào chi phí đầu tư xây dựng công trình.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự đóng góp của Ban giám đốc công ty năm 2014 đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và thực thi các Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên cần lưu ý một số công việc sau để đảm bảo phát huy tinh thần sáng tạo và hoàn thành kế hoạch năm 2015 đã được nêu trong Báo cáo Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2014 của Công ty:

- Công ty tiếp tục hoàn thiện bộ máy và vận hành thống nhất từ Công ty đến đơn vị trực thuộc thông qua hệ thống quản lý được chuẩn hóa và từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành xuyên suốt từ Công ty đến đơn vị trực thuộc và các phòng ban, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị, kiện toàn bộ máy của Nhà máy thủy điện Ngòi Phát, đội ngũ vận hành nhà máy đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, hiệu quả.
- Trên cơ sở Điều lệ tổ chức và hoạt động, Công ty đã từng bước tạo dựng được môi trường làm việc dân chủ, khoa học, phát huy năng lực, kinh nghiệm, trí tuệ của từng thành viên; định kỳ tổ chức các phiên họp tập trung để thảo luận tình hình kinh doanh và đầu tư, chiến lược phát triển, xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp và thương hiệu NEDI 2.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của Công ty theo Nghị Quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua năm 2014 và định hướng phát triển công ty giai đoạn 2014 – 2015; HĐQT đưa ra định hướng chung và nhiệm vụ trọng tâm của Công ty năm 2015 như sau:

- Làm chủ công nghệ thiết bị của Nhà máy thủy điện Ngòi Phát, kiện toàn bộ máy vận hành ổn định và nâng cao tay nghề cho đội ngũ vận hành, trưởng ca, trưởng kíp, đảm bảo vận hành nhà máy An toàn, tin cậy, hiệu quả và liên tục; và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015; đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên công ty; quản lý, vận hành các hạng mục xây dựng và tài sản hình thành sau đầu tư đối với dự án thủy điện Ngòi Phát;
- Tập trung quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát theo đúng các quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và các hướng dẫn hiện hành của Nhà nước;
- Nghiên cứu phương án đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát Mở rộng và tiếp tục triển khai tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới tại địa bàn Lào Cai.
- Triển khai đầu tư dự án Khu đô thị thương mại thủy Hoa theo quy hoạch được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt.

VI/ Quản trị công ty (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

b)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Nguyễn Ngọc Diệp	Chủ tịch	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Phúc Hưởng	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Ứng Hồng Vận	Thành viên	Kiểm Giám đốc
Mạc Thị Thanh Xuân	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Thanh Hoàn	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

Họ và tên	Đại diện phần vốn	Cổ phần cá nhân	tỷ lệ
Nguyễn Ngọc Điệp	25.700.000	không có	61,88%
Nguyễn Phúc Hưởng	3.000.000	Không có	7,22%
Ứng Hồng Vận	3.000.000	5.500 CP	7,24%
Mạc Thị Thanh Xuân	1.313.525	5.200 CP	3,18%
Nguyễn Thanh Hoàn	276.600		0,67%

c) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

d) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Ngọc Điệp	Chủ tịch HĐQT	5	
2	Nguyễn Phúc Hưởng	Thành viên	5	
3	Mạc Thị Thanh Xuân	Thành viên	5	
4	Nguyễn Thanh Hoàn	Thành viên	5	
5	Ứng Hồng Vận	Thành viên	5	

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2014):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 01 /BB/2014/NEDI 2-HĐQT	28/03/2014	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2
2	Số 02 /NQ/2014/NEDI 2-HĐQT	25/04/2013	Thông qua việc chào bán riêng lẻ cổ phiếu tăng vốn điều lệ
3	Số 03 /NQ/2014/NEDI 2-HĐQT	21/02/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt điều chỉnh/bổ sung dự toán mục: Kênh xả giai đoạn 1,2,3; phá bỏ đê quây hạ lưu nhà máy thanh mục Gia cố kênh xả và đắp bù nhà máy thuộc gói thầu XD10 - Ủy quyền cho ông Ứng Hồng Vận – Giám đốc Công ty Nedi2 triển khai các thủ tục lựa chọn nhà thầu và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hạng mục trên
4	Số 04 /NQ/2014/NEDI	27/05/2014	- Thành lập nhà máy thủy điện Ngòi Phát trực thuộc Công ty CP đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 kể

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
	2-HĐQT		từ ngày 1/06/2014. - Nhất trí thông qua Quy chế Tổ chức và hoạt động của nhà máy thủy điện Ngòi Phát. Thông qua việc bổ nhiệm ông Trần Đức Cường – sinh năm 1979 giữ chức vụ Quyền Giám đốc nhà máy thủy điện Ngòi Phát kể từ tháng 06/2014
5	Số 06 /NQ/2014/NEDI 2-HĐQT	16/03/2014	- Phê duyệt dự toán bổ sung nguồn vốn cho hạng mục công trình: Đầu mối; mục: Nạo vét thanh thải long hồ, thuộc gói thầu XD03
6	Số 07 /NQ/2014/NEDI 2-HĐQT	08/07/2014	Thông qua việc lựa chọn công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014
7	Số 08 /NQ/2014/NEDI 2-HĐQT	25/08/2014	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến của cổ đông bằng văn bản (Thông qua nội dung bổ sung đối tượng chào bán và phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ 6.200.000 cổ phiếu đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 28/03/2014.
8	Số 09 /NQ/2014/NEDI 2-HĐQT	08/09/2014	Thông qua danh sách lựa chọn đối tượng chào bán theo Ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết số 08/2014/NEDI2-HĐQT ngày 25/08/2014.
9	Số 10 /NQ/2014/NEDI 2-HĐQT	01/10/2014	Nhất trí thông qua việc Bổ nhiệm ông Trần Vĩnh Hào – sinh năm 1976 Kỹ sư tự động hóa giữ chức Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/10/2014
10	Số 11 /NQ/2014/NEDI 2-HĐQT	12/11/2014	Thông qua chi tiết kết quả đợt chào bán cổ phần riêng lẻ theo phương án chào bán được thực hiện theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 28/03/2014 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/2014/NEDI2 ngày 25/08/2014

- e) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành. (không có)
- f) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.
- g) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Họ và tên	Chứng chỉ đào tạo
Nguyễn Ngọc Điệp	Thạc sỹ quản trị doanh nghiệp
Nguyễn Phúc Hưởng	Thạc sỹ quản trị doanh nghiệp
Mạc Thị Thanh Xuân	Thạc sỹ kinh tế

Nguyễn Thanh Hoàn

Thạc sỹ quản trị doanh nghiệp

2/ Ban kiểm soát.

a/ Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

BAN KIỂM SOÁT		
Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Đặng Thanh Huấn	Trưởng ban	Thành viên độc lập không điều hành
Hoàng Trọng Thạch	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

Họ và tên	Đại diện phần vốn	Cổ phần cá nhân	Cổ phần khác
Đặng Thanh Huấn	Không có	9.900 CP	Không có
Hoàng Trọng Thạch	Không có	Không có	Không có
Nguyễn Xuân Dũng	Không có	5.200 CP	Không có

b/ Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2014, Ban Kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ để đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, soát xét Báo cáo tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh quý, năm của Công ty. Đại diện Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, các cuộc họp quan trọng của Ban Điều hành Công ty. Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2014, cụ thể: Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm.

Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc Tổng Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm. Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra. Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật. Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 đối với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và ban Kiểm soát.

a/ Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác.

Tổng mức thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2014 được Đại hội đồng cổ đông thông qua là: 301.440.000 đồng, trong đó của Hội đồng quản trị là : 211.680.000 đồng, của Ban kiểm soát là : 70.560.000 đồng và tiền điện thoại cho 08 thành viên là 19.200.000 đồng

Giá trị các khoản thù lao và chi phí chi tiết cho từng người cụ thể như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Chức danh	Chủ tịch	Thành viên
Thù lao	4.200.000 đ/tháng	3.360.000 đ/tháng

Chi phí điện thoại	200.000 đ/tháng	200.000 đ/tháng
--------------------	-----------------	-----------------

BAN KIỂM SOÁT

Chức danh	Trưởng ban	Thành viên
Thù lao	2.520.000 đ/tháng	1.680.000 đ/tháng
Chi phí điện thoại	200.000 đ/tháng	200.000 đ/tháng

BAN GIÁM ĐỐC

Chức danh	Giám Đốc điều hành	Phó Giám đốc
Lương cố định	30.000.000 đ/tháng	25.200.000 đ/tháng
Chi phí điện thoại	800.000 đ/tháng	500.000 đ/tháng
Tiền ăn trưa	800.000 đ/tháng	800.000 đ/tháng

Ngoài các quyền lợi trên, các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành được quy định theo Điều lệ công ty và các văn bản chính sách hiện hành của nhà nước đối với công ty cổ phần.

b/ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có giao dịch

c/ Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Thông tin về hợp đồng năm với công ty của thành, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan

Không có

d/ Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện theo quy định của Pháp luật về quản trị công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của Nhà nước về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đang theo dõi trên Tài khoản 241 “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” và Tài khoản 242 “Chi phí trả trước dài hạn” các khoản chi phí cho công trình thủy điện Chu Linh - Cốc San, Sử Pán, Tà Thàng đã được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty với số tiền tương ứng là 6.187.676.701 đồng và 2.938.961.039 đồng. Hiện tại, các dự án này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Công ty đang phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ

đầu tư được chuyển giao các dự án nêu trên để thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, tất cả các khoản chi phí quản lý phát sinh trong năm hoàn toàn phục vụ cho Dự án Thủy điện Ngòi Phát. Theo đó, Công ty đã ghi nhận toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền 22.398.340.241 đồng (số lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 85.948.177.029 đồng) vào giá trị các công trình đầu tư và phản ánh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" tại bảng cân đối kế toán. Chi phí quản lý dự án được vốn hóa sẽ được điều chỉnh (nếu có) khi có phê duyệt quyết toán công trình.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Kèm theo Báo cáo này là Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
Ung Hồng Vân

Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN
MIỀN BẮC 2**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên
Ông Nguyễn Phúc Hương	Ủy viên
Ông Ứng Hồng Vận	Ủy viên
Bà Mạc Thị Thanh Xuân	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Ứng Hồng Vận	Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Hải	Phó Giám đốc (nghỉ hưu từ tháng 3 năm 2014)
Ông Nguyễn Hải Đăng	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Nhu	Phó Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Trần Vĩnh Hào	Phó Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 01 tháng 10 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.




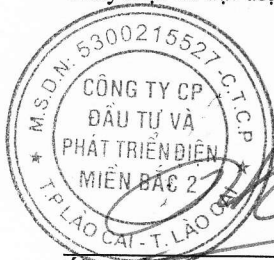
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc. 



Ứng Hồng Vận
Giám đốc

Lào Cai, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Y
DU

Số: 538 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10 tháng 02 năm 2015, từ trang 5 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+150)	100		147.791.262.206	132.960.837.022
I. Tiền	110	5	16.878.405.960	37.523.209.480
1. Tiền	111		16.878.405.960	37.523.209.480
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.095.112.177	82.345.502.204
1. Trả trước cho người bán	132	6	23.890.917.076	78.686.480.549
2. Các khoản phải thu khác	135	7	101.204.195.101	3.659.021.655
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.817.744.069	13.092.125.338
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		229.460.925	12.167.749.990
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		31.738.058	36.494.287
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	5.556.545.086	887.881.061
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		1.886.657.675.925	1.369.800.123.599
I. Tài sản cố định	220		1.876.098.706.402	1.359.015.970.050
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	360.019.917	481.948.400
- Nguyên giá	222		1.740.315.924	2.511.502.093
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.380.296.007)	(2.029.553.693)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	8.291.305.131	8.291.305.131
- Nguyên giá	228		8.291.305.131	8.291.305.131
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.867.447.381.354	1.350.242.716.519
II. Tài sản dài hạn khác	260		10.558.969.523	10.784.153.549
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	10.558.969.523	10.784.153.549
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.034.448.938.131	1.502.760.960.621

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	MẪU SỐ B 01-DN	
			31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.598.142.634.338	1.128.624.621.488
I. Nợ ngắn hạn	310		308.393.077.387	166.250.764.133
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	121.405.467.106	46.578.861.647
2. Phải trả người bán	312		122.729.726.738	88.061.309.517
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	5.462.248.239	59.539.649
4. Phải trả người lao động	315		4.266.308.565	2.174.377.001
5. Chi phí phải trả	316	15	26.152.042.285	21.786.224.066
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	28.377.284.454	7.590.452.253
II. Nợ dài hạn	330		1.289.749.556.951	962.373.857.355
1. Phải trả dài hạn khác	333		210.000.000	224.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	1.289.539.556.951	962.149.857.355
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		436.306.303.793	374.136.339.133
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	436.306.303.793	374.136.339.133
1. Vốn điều lệ	411		415.296.507.633	353.296.507.633
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		8.628.956.068	8.607.542.231
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.738.390.092	1.589.839.269
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.034.448.938.131	1.502.760.960.621

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Ngoại tệ các loại
 USD

31/12/2014

31/12/2013

487

523



Ông Hồng Văn
 Giám đốc

Đình Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thủy
 Người lập biểu

Lào Cai, ngày 10 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		172.587.387	434.553.759
7. Chi phí tài chính	22		11.419.217	94.671.633
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	17.500.000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		-	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		161.168.170	339.882.126
11. Thu nhập khác	31		73.337.083	8.000.000
12. Chi phí khác	32		44.055.481	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		29.281.602	8.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		190.449.772	347.882.126
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		41.898.949	86.788.714
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		148.550.823	261.093.412
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	4	10



Ưng Hồng Vận
Giám đốc

Đình Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thủy
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

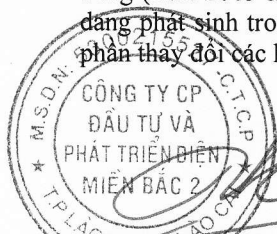
MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	190.449.772	347.882.126
2. Điều chỉnh cho các khoản			
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(238.587.387)	(434.553.759)
Chi phí lãi vay	06	-	17.500.000
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(48.137.615)	(69.171.633)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(3.310.291.433)	(49.322.235.072)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	12.751.792.277	16.718.224.925
Thay đổi chi phí trả trước	12	225.184.026	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(116.029.706)	(2.772.816)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(727.273)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.502.517.549	(32.676.681.869)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(494.602.213.511)	(350.210.716.520)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	66.000.000	-
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay	27	172.587.387	434.553.759
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(494.363.626.124)	(349.776.162.761)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	62.000.000.000	159.400.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	490.047.305.055	488.138.244.036
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(87.831.000.000)	(227.801.377.790)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	464.216.305.055	419.736.866.246
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(20.644.803.520)	37.284.021.616
Tiền đầu năm	60	37.523.209.480	239.187.864
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	16.878.405.960	37.523.209.480

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 148.881.769.023 đồng (năm 2013 là 109.847.533.583 đồng) - là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Ung Hồng Vận
Giám đốc

Đình Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thủy
Người lập biểu

Lào Cai, ngày 10 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng các Nhà máy Thủy điện được thành lập theo Quyết định số 04/QĐ/VC-TCLĐ ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam. Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000019 lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 92 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 45 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc, mua bán vật liệu xây dựng; Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi; Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất; Đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; Sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khác và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Giám đốc, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không có nợ phải thu quá hạn, khó đòi cần phải trích lập dự phòng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí đã trả của các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại tại thời điểm cuối năm, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện lũy kế và phần chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng công trình thủy điện và dự án bất động sản tại Lào Cai. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã phát sinh doanh thu chạy thử với số tiền 81.964.494.775 đồng, toàn bộ doanh thu phát sinh đã được kết chuyển giảm chi phí xây dựng cơ bản phát sinh trong năm.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh. Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty không chắc chắn về khả năng tạo ra lợi nhuận trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.272.396.028	1.971.876
Tiền gửi ngân hàng	14.606.009.932	37.521.237.604
	<u>16.878.405.960</u>	<u>37.523.209.480</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vimeco	8.288.860.083	5.779.967.834
Công ty TNHH Xây dựng và Xây lắp Thủy điện tỉnh Triết Giang	5.342.519.060	28.282.121.114
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	3.445.716.404	14.199.294.571
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Hà Thành	656.174.463	656.174.463
Công ty Điện lực Lào Cai	11.295.911	307.000.000
Công ty Xây lắp Điện I	-	3.825.531.780
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	-	4.353.488.692
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	16.473.407.600
Các đối tượng khác	6.146.351.155	4.809.494.495
	<u>23.890.917.076</u>	<u>78.686.480.549</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Mua bán điện (*)	98.160.494.316	-
Xí nghiệp Thủy công chuyên ngành	931.955.106	931.955.106
Công ty Cổ phần Vimeco	410.433.541	480.732.766
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	374.016.970	334.043.470
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	28.702.100	305.252.640
Các khoản phải thu khác	1.298.593.068	1.607.037.673
	<u>101.204.195.101</u>	<u>3.659.021.655</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng (*)	5.305.572.372	636.908.347
Ký quỹ, ký cược	250.972.714	250.972.714
	<u>5.556.545.086</u>	<u>887.881.061</u>

(*) Các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên thực hiện công tác đền bù, bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc khu vực đường dây 110KV của Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	284.257.389	2.161.193.746	66.050.958	2.511.502.093
Tăng trong năm	45.354.545	-	-	45.354.545
Mua sắm	45.354.545	-	-	45.354.545
Giảm trong năm	-	816.540.714	-	816.540.714
Thanh lý, nhượng bán	-	816.540.714	-	816.540.714
Tại ngày 31/12/2014	<u>329.611.934</u>	<u>1.344.653.032</u>	<u>66.050.958</u>	<u>1.740.315.924</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY				
Tại ngày 01/01/2014	284.257.389	1.679.245.346	66.050.958	2.029.553.693
Tăng trong năm	5.039.392	162.243.636	-	167.283.028
Khấu hao trong năm	5.039.392	162.243.636	-	167.283.028
Giảm trong năm	-	816.540.714	-	816.540.714
Thanh lý, nhượng bán	-	816.540.714	-	816.540.714
Tại ngày 31/12/2014	<u>289.296.781</u>	<u>1.024.948.268</u>	<u>66.050.958</u>	<u>1.380.296.007</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	<u>40.315.153</u>	<u>319.704.764</u>	<u>-</u>	<u>360.019.917</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>-</u>	<u>481.948.400</u>	<u>-</u>	<u>481.948.400</u>

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 721.499.561 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.538.040.275 đồng).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Giá trị quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và chi phí san nền, giải phóng mặt bằng liên quan đến lô đất tại đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát (i)	1.859.169.067.017	1.341.964.402.182
Công trình Khu đô thị thương mại Thủy Hoa	2.090.637.636	2.090.637.636
Công trình Thủy điện Chu Linh - Cốc San (ii)	4.257.321.341	4.257.321.341
Công trình Thủy điện Sừ Pán (ii)	480.355.360	480.355.360
Công trình Thủy điện Tà Thàng (ii)	1.450.000.000	1.450.000.000
	<u>1.867.447.381.354</u>	<u>1.350.242.716.519</u>

- (i) Bao gồm chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình khi các cổ đông chưa góp đủ vốn điều lệ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 486.504.020.621 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 349.719.457.362 đồng).

Toàn bộ giá trị dự án Công trình Thủy điện Ngòi Phát được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 17.

- (ii) Các khoản chi phí cho các công trình thủy điện Chu Linh - Cốc San, Sừ Pán, Tà Thàng với tổng số tiền là 6.187.676.701 đồng đã được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty. Hiện tại, các dự án này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Công ty đang phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ đầu tư được chuyển giao các dự án nêu trên để thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán - Dự án Thủy điện Chu Linh - Cốc San (i)	2.938.961.039	2.938.961.039
Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán - Dự án Thủy điện Ngòi Phát - Lào Cai (ii)	7.596.295.065	7.596.295.065
Chi phí thiết bị văn phòng	23.713.419	248.897.445
	<u>10.558.969.523</u>	<u>10.784.153.549</u>

- (i) Các khoản chi phí cho Dự án Thủy điện Chu Linh - Cốc San đã được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty. Hiện tại, dự án này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Công ty đang phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ đầu tư được chuyển giao dự án nêu trên để thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đang tạm theo dõi giá trị các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán của Dự án Thủy điện Ngòi Phát - Lào Cai với số tiền là 7.596.295.065 đồng theo Báo cáo kiểm toán số 464/VAE-XD-NVIII ngày 09 tháng 7 năm 2005 của Công ty TNHH Kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Vimenco (i)	500.000.000	500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả:		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	105.911.467.106	41.080.861.647
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	14.994.000.000	4.998.000.000
	<u>121.405.467.106</u>	<u>46.578.861.647</u>

(i) Ngày 13 tháng 12 năm 2011, Công ty ký khế ước vay vốn lưu động với Công ty Cổ phần Vimenco, với số tiền vay là 500.000.000 đồng. Khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 14 tháng 12 năm 2011 nhưng chưa được gia hạn. Lãi suất cố định là 14%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh thuế tài nguyên nước phải nộp, khoản thuế này được xác định theo sản lượng điện sản xuất trong năm với đơn giá 60.354 đồng/kwh.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Lãi vay phải trả	26.152.042.285	21.786.224.066
	<u>26.152.042.285</u>	<u>21.786.224.066</u>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phí bảo lãnh vay vốn và bảo lãnh thanh toán phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	25.957.226.776	7.208.918.919
Phí dịch vụ môi trường rừng phải nộp	1.810.070.000	-
Các khoản phải trả khác	609.987.678	381.533.334
	<u>28.377.284.454</u>	<u>7.590.452.253</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	953.203.203.951	657.293.786.355
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	336.336.353.000	304.856.071.000
	<u>1.289.539.556.951</u>	<u>962.149.857.355</u>

(i) Tại ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch với hạn mức tối đa là 535,466 tỷ đồng, thời hạn vay là 144 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất không vượt quá mức trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ, được tính bằng (=) 4%/năm + lãi suất tham chiếu (là lãi suất huy động tiết kiệm bình quân từ dân cư bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch, Chi nhánh Từ Sơn và Chi nhánh Lào Cai). Các tài sản đảm bảo bao gồm:

- Bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) cho Công ty để vay vốn ngân hàng với giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng tổng số tiền ngân hàng đã cam kết cho vay.
- Thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất, các công trình của dự án, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại Dự án hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; Toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản khác liên quan đến hoặc thuộc về Dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp.

Ngày 21 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01.2013/PL với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam sửa đổi một số điều khoản của Hợp đồng tín dụng số 01/2008/NED12-SGD/HĐTDDH ký ngày 18 tháng 10 năm 2008. Phụ lục hợp đồng này thay đổi thời gian ân hạn gốc cũ từ ngày 25 tháng 3 năm 2013 thành thời gian ân hạn mới là ngày 25 tháng 8 năm 2014 và sửa đổi hạn mức tín dụng thành mức tối đa là 923 tỷ đồng.

(ii) Tại ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai với hạn mức tối đa là 437,745 tỷ đồng, thời hạn vay là 96 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất trong hạn là 11,4%/năm. Công ty dùng các tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án và các tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để thế chấp cho khoản vay này.

Ngày 27 tháng 6 năm 2013, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 0/2013/HĐSBĐS với Ngân hàng Phát triển Việt Nam sửa đổi một số điều khoản của Hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTDDT-NHPT ký ngày 18 tháng 10 năm 2008. Phụ lục hợp đồng này thay đổi thời gian ân hạn gốc cũ từ ngày 30 tháng 6 năm 2013 thành thời gian ân hạn mới là tháng 6 năm 2014.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	120.905.467.106	46.078.861.647
Trong năm thứ hai	160.499.467.106	97.155.723.294
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	406.918.401.317	514.037.169.883
Sau năm năm	722.121.688.528	350.956.964.178
	<u>1.410.445.024.057</u>	<u>1.008.228.719.002</u>
<i>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)</i>	<i>120.905.467.106</i>	<i>46.078.861.647</i>
Số được trả sau 12 tháng	<u>1.289.539.556.951</u>	<u>962.149.857.355</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	193.896.507.633	10.642.450.000	8.607.542.231	1.589.839.269	214.736.339.133
Nhận vốn góp	159.400.000.000	-	-	-	159.400.000.000
Tại ngày 01/01/2014	353.296.507.633	10.642.450.000	8.607.542.231	1.589.839.269	374.136.339.133
Nhận vốn góp	62.000.000.000	-	-	-	62.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	148.550.823	148.550.823
Chênh lệch tỷ giá	-	-	21.413.837	-	21.413.837
Tại ngày 31/12/2014	415.296.507.633	10.642.450.000	8.628.956.068	1.738.390.092	436.306.303.793

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	41.529.650	35.329.650
+ Cổ phiếu ưu đãi	41.529.650	35.329.650
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	41.529.650	35.329.650
+ Cổ phiếu ưu đãi	41.529.650	35.329.650

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000019 cấp lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2004 và các giấy phép điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Vốn đã góp tại ngày	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	VND	31/12/2014	31/12/2013
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	25.500.000	51,0%	255.000.000.000	317.000.007.633	255.000.007.633
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.000.000	10,0%	50.000.000.000	13.083.250.000	13.083.250.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	1.900.000	3,8%	19.000.000.000	2.856.000.000	2.856.000.000
Công ty Cổ phần Vimenco	1.140.000	2,3%	11.400.000.000	8.387.000.000	8.387.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	16.460.000	32,9%	164.600.000.000	73.970.250.000	73.970.250.000
	50.000.000	100%	500.000.000.000	415.296.507.633	353.296.507.633

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2014	2013
Lợi nhuận sau thuế (VND)	148.550.823	261.093.412
Cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	36.178.965	27.342.965

Lợi nhuận trên cổ phiếu (VND)

4

10

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 17, trừ đi tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	1.410.945.024.057	1.008.728.719.002
Trừ: Tiền	16.878.405.960	37.523.209.480
Nợ thuần	1.394.066.618.097	971.205.509.522
Vốn chủ sở hữu	436.306.303.793	374.136.339.133
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	3,20	2,60

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Tài sản tài chính		
Tiền	16.878.405.960	37.523.209.480
Phải thu khác	101.204.195.101	3.659.021.655
Tài sản tài chính khác	250.972.714	250.972.714
Tổng cộng	118.333.573.775	41.433.203.849
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.410.945.024.057	1.008.728.719.002
Phải trả người bán và phải trả khác	151.096.799.846	95.651.761.770
Chi phí phải trả	26.152.042.285	21.786.224.066
Công nợ tài chính khác	210.000.000	224.000.000
Tổng cộng	1.588.403.866.188	1.126.390.704.838

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất và giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đôla Mỹ (USD)	5.352.860.551	28.282.121.114	46.842.029.865	21.521.368.627

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy tỷ giá vì Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh chưa phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, do đó, tỷ giá biến động sẽ không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy lãi suất vì Công ty đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản, mục đích của các khoản vay đều là phục vụ cho hoạt động xây dựng cơ bản nên toàn bộ lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình, do đó, lãi vay biến động do lãi suất biến động sẽ chỉ ảnh hưởng đến giá trị lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình mà không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	16.878.405.960	-	-	16.878.405.960
Phải thu khác	101.204.195.101	-	-	101.204.195.101
Tài sản tài chính khác	250.972.714	-	-	250.972.714
Tổng cộng	118.333.573.775	-	-	118.333.573.775
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	121.405.467.106	567.417.868.423	722.121.688.528	1.410.945.024.057
Phải trả người bán và phải trả khác	151.096.799.846	-	-	151.096.799.846
Chi phí phải trả	26.152.042.285	-	-	26.152.042.285
Công nợ tài chính khác	-	210.000.000	-	210.000.000
Tổng cộng	298.654.309.237	567.627.868.423	722.121.688.528	1.588.403.866.188
Chênh lệch thanh khoản thuần	(180.320.735.462)	(567.627.868.423)	(722.121.688.528)	(1.470.070.292.413)
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	37.523.209.480	-	-	37.523.209.480
Phải thu khác	3.659.021.655	-	-	3.659.021.655
Tài sản tài chính khác	250.972.714	-	-	250.972.714
Tổng cộng	41.433.203.849	-	-	41.433.203.849
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	46.578.861.647	611.192.893.177	350.956.964.178	1.008.728.719.002
Phải trả người bán và phải trả khác	95.651.761.770	-	-	95.651.761.770
Chi phí phải trả	21.786.224.066	-	-	21.786.224.066
Công nợ tài chính khác	-	224.000.000	-	224.000.000
Tổng cộng	164.016.847.483	611.416.893.177	350.956.964.178	1.126.390.704.838
Chênh lệch thanh khoản thuần	(122.583.643.634)	(611.416.893.177)	(350.956.964.178)	(1.084.957.500.989)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công nợ tài chính lớn hơn tài sản tài chính, và Công ty đang thiếu hụt khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục và hoàn thành dự án, Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) và Ngân hàng Phát triển Việt Nam (“VDB”) đã ký kết các Phụ lục Hợp đồng, theo đó các ngân hàng đồng ý điều chỉnh hạn mức của các Hợp đồng tín dụng đảm bảo Công ty có thể huy động đủ vốn để hoàn thành dự án và phát điện thương mại, đảm bảo tính khả thi của Dự án thủy điện Ngòi Phát. Đồng thời, theo kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, Công ty sẽ chính thức phát điện thương mại trong năm 2015, do đó Công ty sẽ có dòng tiền vào từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Với các kế hoạch nêu trên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn, đảm bảo khả năng thanh toán và hoàn thành dự án đúng kế hoạch.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:***Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vimeco	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm Vinavico	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	Cùng công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Vimeco	59.653.478.790	34.379.681.417
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	33.893.164.257	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	19.279.696.261	22.379.423.442
Nhận vốn góp		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	62.000.000.000	123.000.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco	8.387.000.000	8.387.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương	1.456.321.385	1.007.278.455
	<u>1.456.321.385</u>	<u>1.007.278.455</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan:**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	374.016.970	334.043.470
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	646.015.724	646.015.724
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5	147.653.325	-
Công ty Cổ phần Vimeco	410.433.541	480.732.766
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	3.445.716.404	14.199.294.571
Công ty Cổ phần Vimeco	8.288.860.083	5.779.967.834
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	-	16.473.407.600
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	76.023.811	122.365.995
Vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Vimeco	500.000.000	500.000.000
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	13.887.490.766	12.474.348.977
Công ty Cổ phần Vimeco	28.518.110.352	27.024.698.801
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm - Vinavico	1.469.266.060	2.436.375.131
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	331.113.534	291.735.754
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5	8.354.286.295	10.421.336.986
Phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	25.957.226.776	7.208.918.919
Công ty Cổ phần Vimeco	41.158.810	41.158.810

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này. Cụ thể như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số sau</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>phân loại lại</u>
				<u>VND</u>
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Tiền lãi vay đã trả	13	(191.009.585.975)	191.009.585.975	-
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(159.201.130.545)	(191.009.585.975)	(350.210.716.520)



Ứng Hồng Vạn
Giám đốc

Đình Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thủy
Người lập biểu

Lào Cai, ngày 10 tháng 02 năm 2015